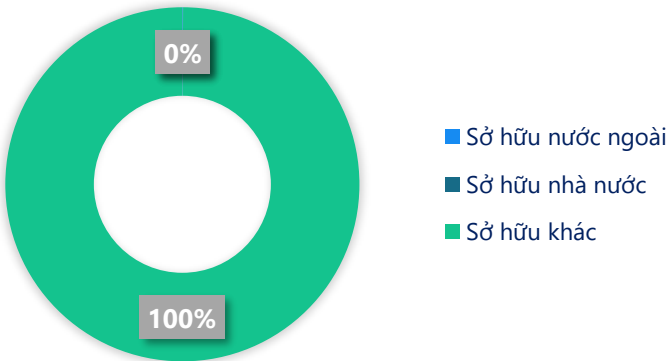


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		2,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		3,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,100
SL cổ phiếu LH		37,374,846
KLGD BQ 20 phiên (CP)		81,110
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		86
P/E		-9.1
EPS		-252

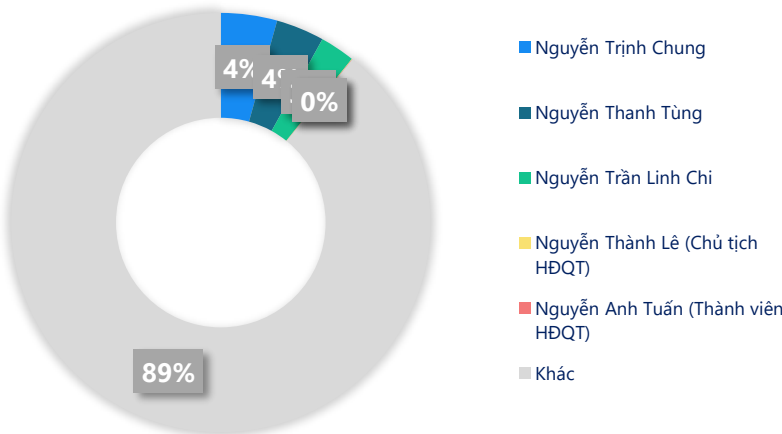
	YTD	1T	3T	6T
TTH	-23.3%	-4.2%	-11.5%	-14.8%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu sở hữu



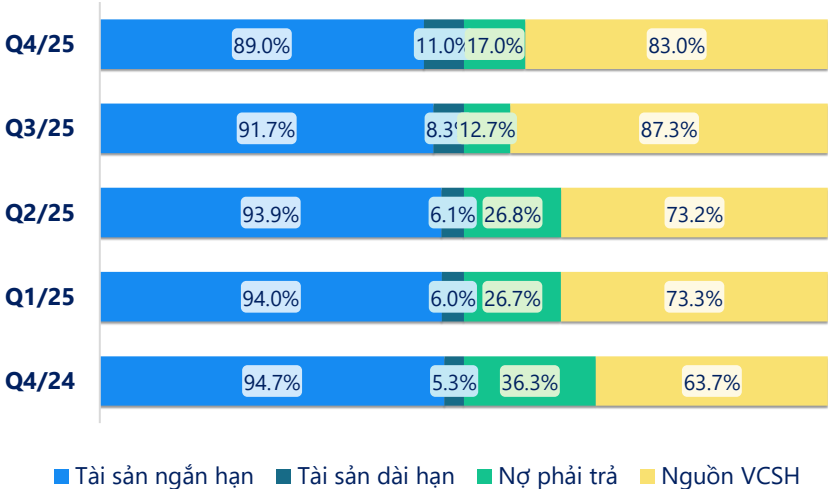
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



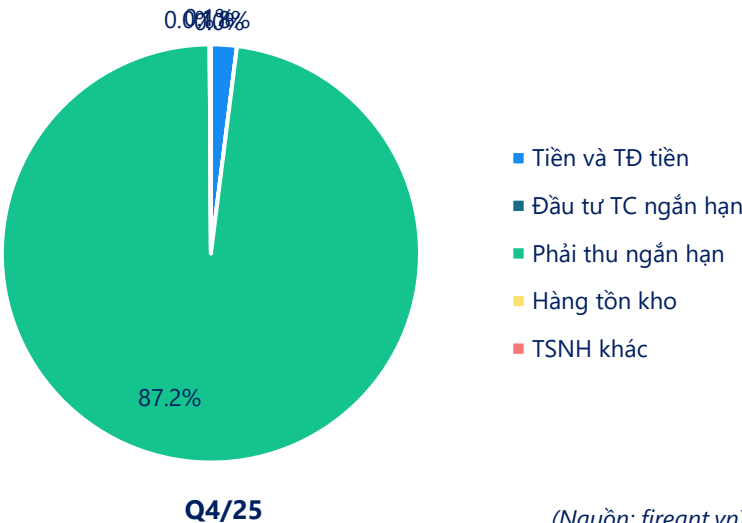
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



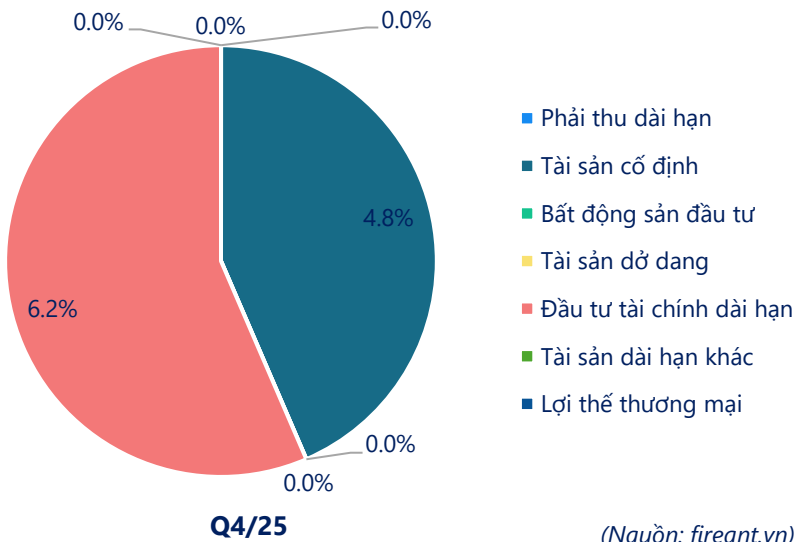
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

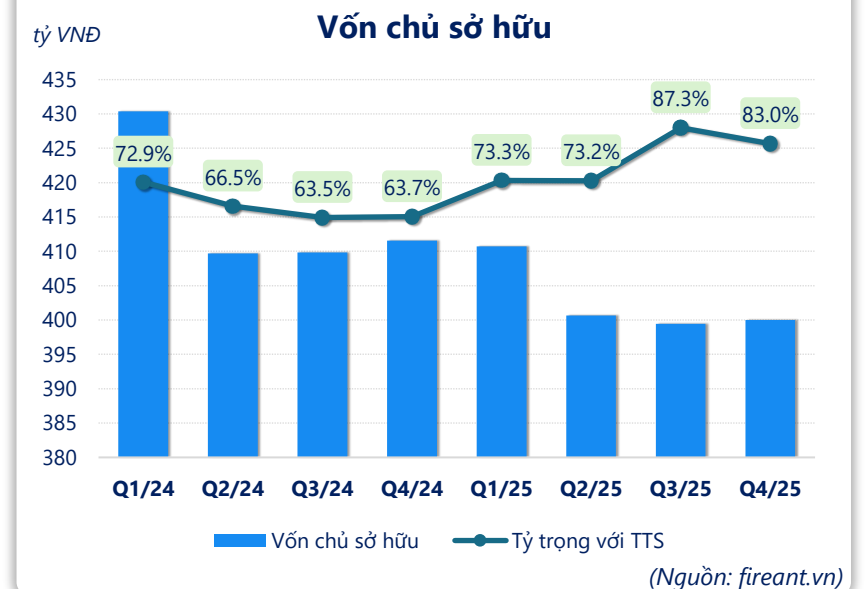
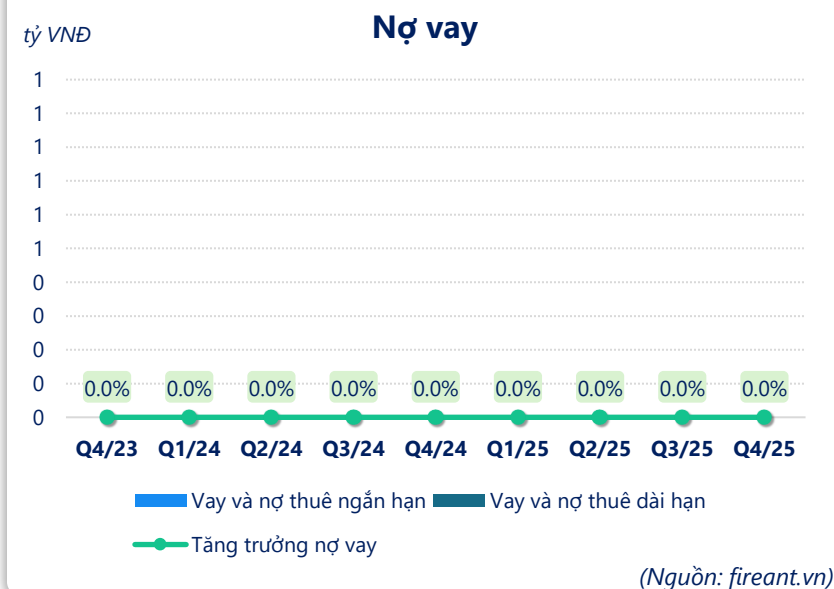
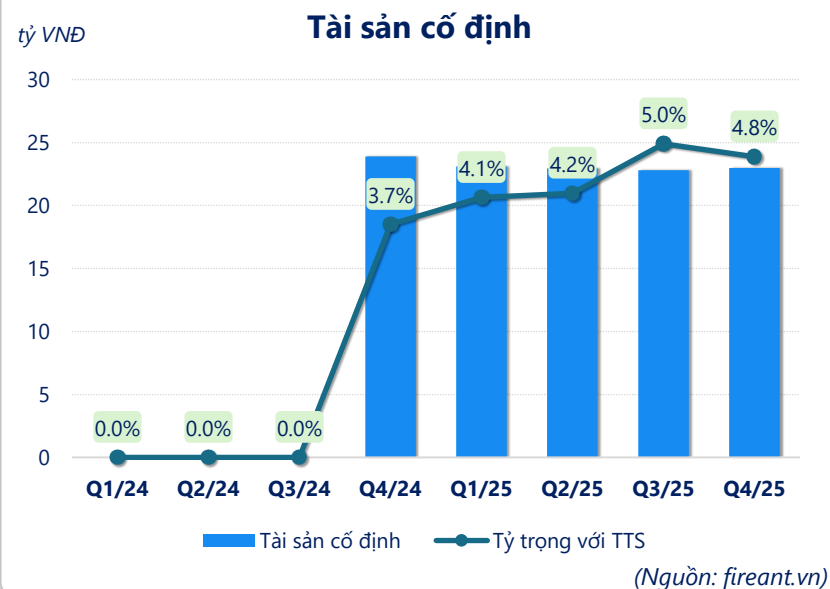
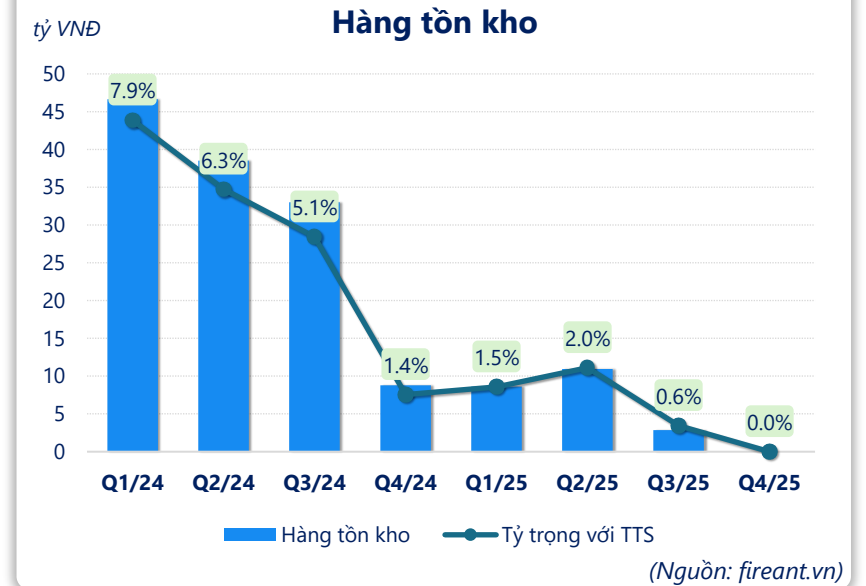
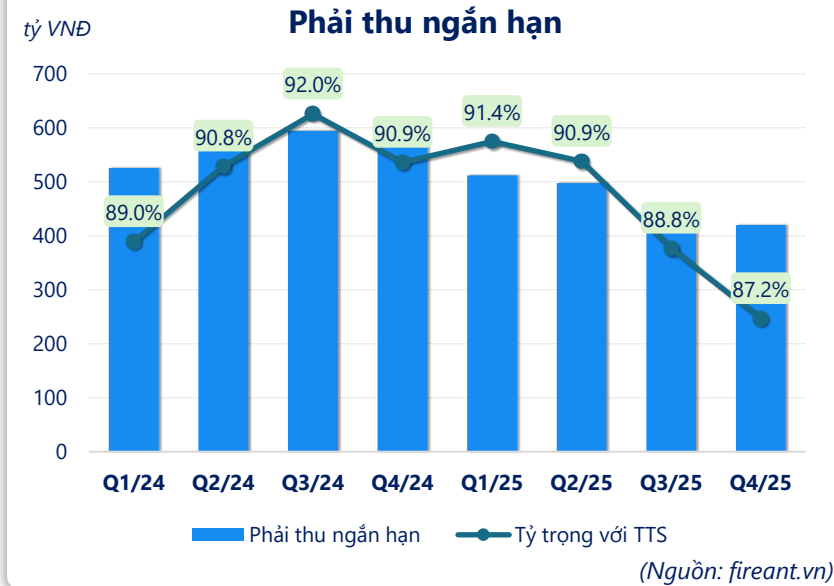
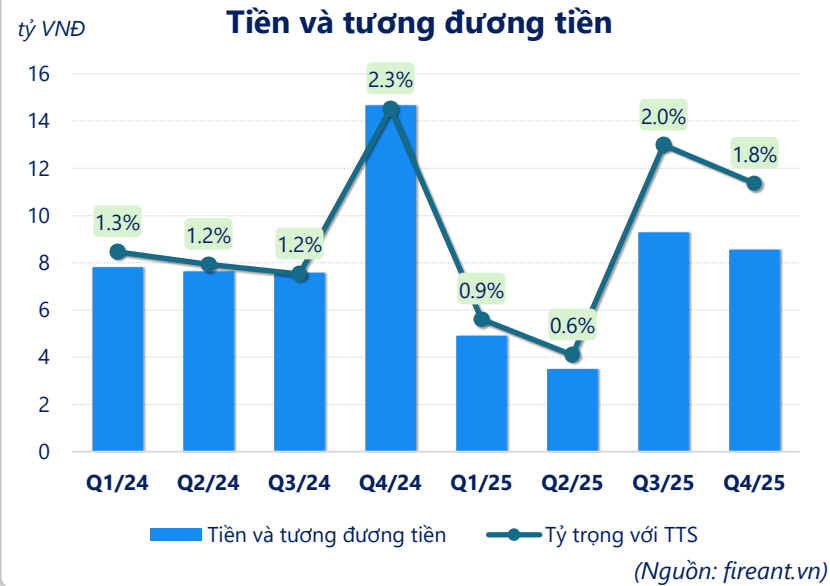


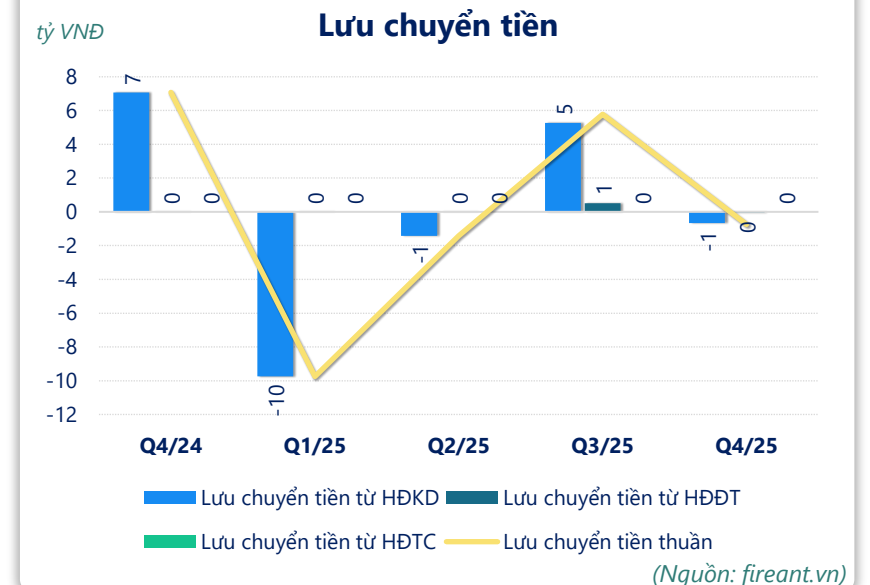
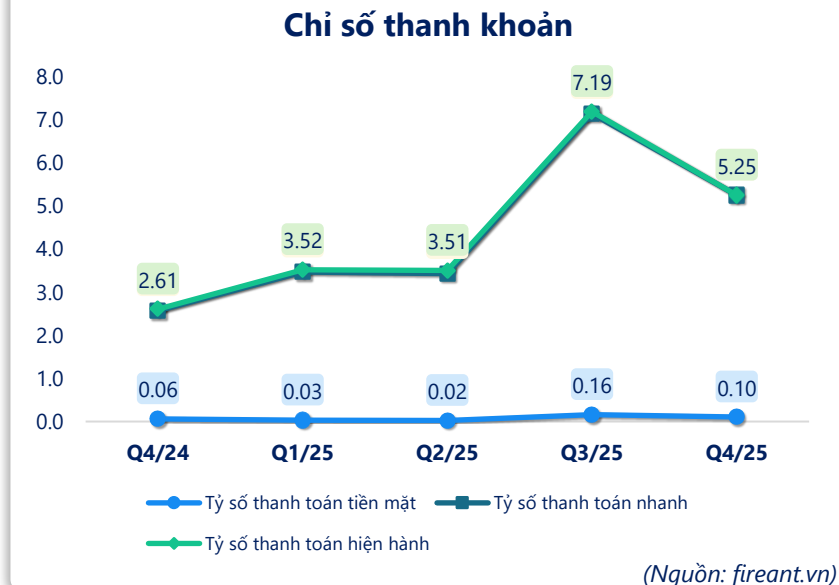
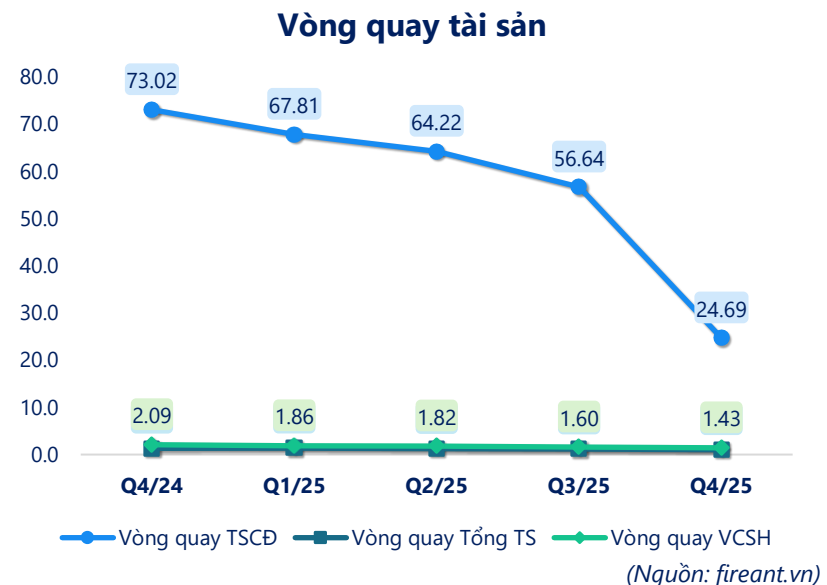
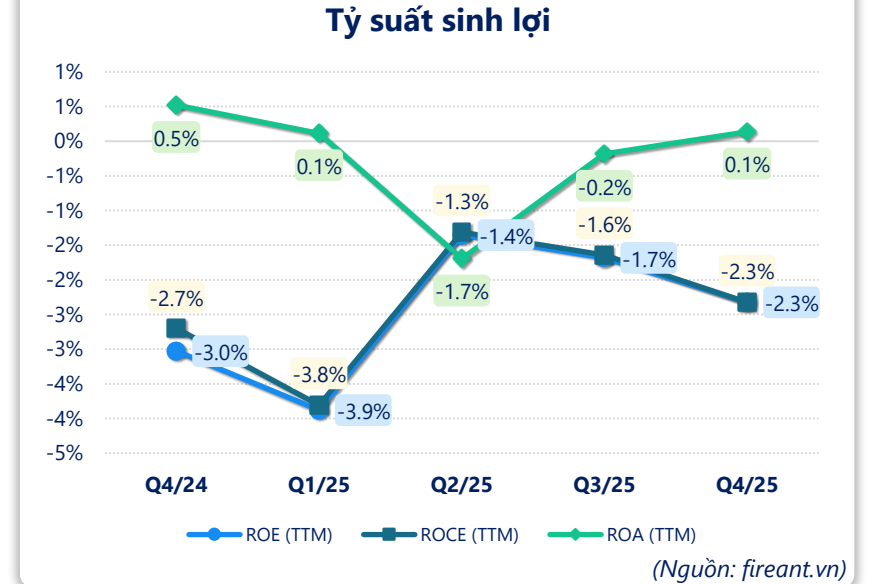
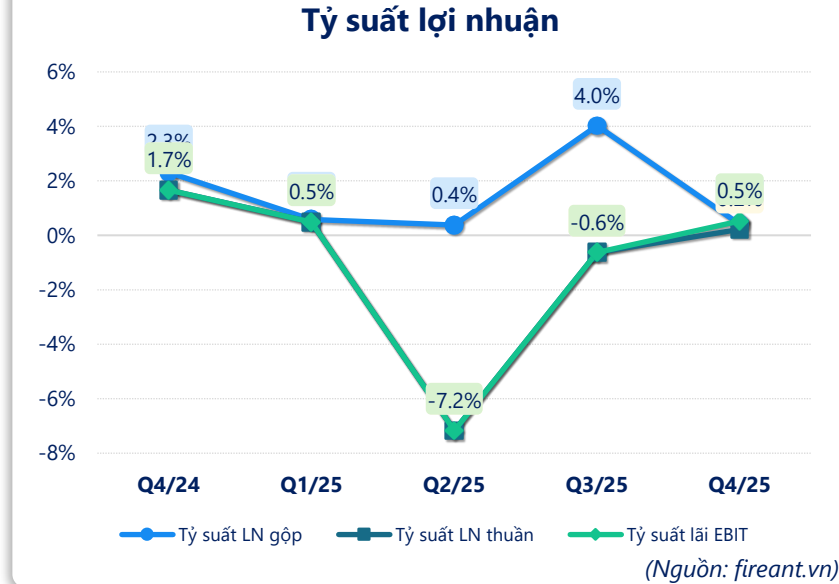
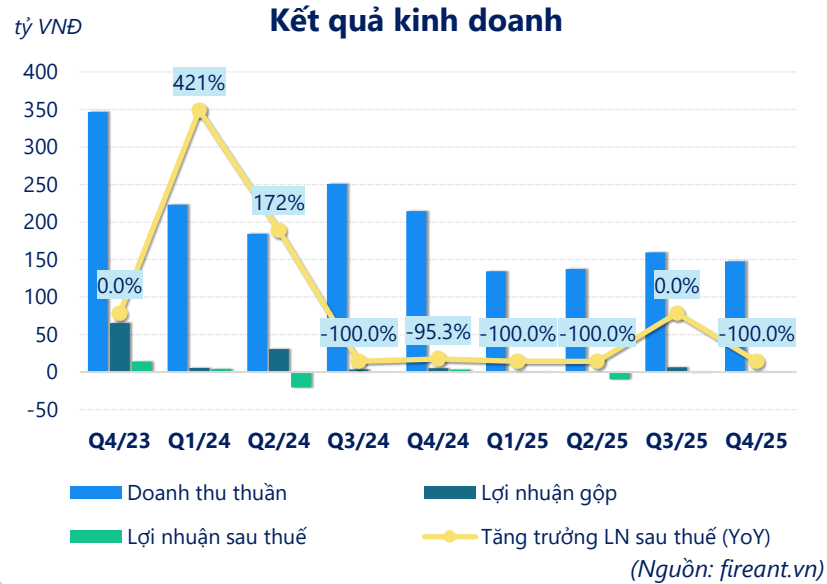
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	482	645	-25.3%
Tài sản ngắn hạn	429	611	-29.9%
Tiền và tương đương tiền	8.55	14.7	-41.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	420	587	-28.5%
Hàng tồn kho	0	8.43	-100%
Tài sản ngắn hạn khác	0.43	1.04	-58.5%
Tài sản dài hạn	52.8	33.7	56.6%
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	23.0	23.3	-1.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	29.8	10.5	185%
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	81.7	235	-65.3%
Nợ ngắn hạn	81.7	235	-65.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	62.7	210	-70.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	400	410	-2.5%
Vốn chủ sở hữu	400	410	-2.5%
Vốn điều lệ	374	374	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	215	134	137	160	148
Giá vốn hàng bán	210	134	137	153	147
Lợi nhuận gộp	4.96	0.78	0.52	6.42	0.59
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.66	0.41	0.28	4.09	0.43
Chi phí QLDN	0.74	-0.29	10.1	3.34	-0.16
LN thuần từ HĐKD	3.56	0.65	-9.85	-1.01	0.32
Lợi nhuận khác	0.00	0.00	0.00	0.00	0.45
LN trước thuế	3.56	0.65	-9.85	-1.01	0.77
Lợi nhuận sau thuế	3.40	0.65	-9.85	-1.01	0.77
LNST của CĐ cty mẹ	3.40	0.65	-9.85	-1.01	0.77

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.08	-9.75	-1.41	5.27	-0.67
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.52	-0.06
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	7.59	14.7	4.91	3.50	9.29
Lưu chuyển tiền thuần	7.08	-9.75	-1.41	5.79	-0.73
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	14.7	4.91	3.50	9.29	8.55

(Nguồn: fireant.vn)